

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/DS-ST

Ngày: 08/11/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Nguyễn Ngọc Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện X, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện X mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2018/TLST- DS, ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2018/QĐXXST- DS, ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng VN**. Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận BD, thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Mai Văn C – Phó giám đốc Ngân hàng VN chi nhánh TT.

* Bị đơn: Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp CL, xã ML, huyện X, tỉnh Long An.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp CL, xã ML, huyện X, tỉnh Long An.

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp CL, xã ML, huyện X, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Lê Minh H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp CL, xã ML, huyện X, tỉnh Long An.

- Bà Lê Thị Lan, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ấp 5, xã MT, huyện X, tỉnh Long An.

(Đại diện nguyên đơn có mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ đã vay của Ngân hàng VN chi nhánh huyện X – Phòng giao dịch BM số tiền 650.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 16CL03159/HĐTD ngày 07/12/2016, mục đích vay để trồng chanh. Lãi suất trong hạn bằng 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất hiện hành thay đổi theo thông báo của ngân hàng cấp trên.

Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 03159/HĐTC đối với các thửa đất số 2083, 2084, 598, 690, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã ML, huyện X, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 495278, AI 995367, BS 885783, BD 271889 do Ủy ban nhân huyện X cấp ngày 22/5/2007, 13/7/2007, 04/7/2014, 31/12/2010 và có đăng ký đảm bảo ngày 07/12/2016.

Hợp đồng vay được phân kỳ trả nợ gốc như sau: Ngày 07/12/2017 trả 10.000.000đ; ngày 07/12/2018 trả 10.000.000đ; ngày 07/12/2019 trả 630.000.000đ. Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp hai vợ chồng ông T đều có ký tên. Từ ngày vay đến nay, vợ chồng ông T không trả cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào.

Theo mục 1 Điều 3 của hợp đồng tín dụng đã ghi "...khi đến hạn trả nợ, nếu bên B không trả nợ đúng hạn gốc và/hoặc đúng lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì bên A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn số tiền thực tế quá hạn.". Do đó, tuy chưa đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T đã vi phạm hợp đồng, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho Ngân hàng VN số tiền gốc là 650.000.000đ. Lãi trong hạn từ ngày 07/12/2016 đến 07/11/2018 (701 ngày) là 126.569.444đ. Lãi quá hạn từ ngày 08/12/2017 đến 08/11/2018 (336 ngày) là 466.667đ. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 08/11/2018 là 777.036.111đ.

Trường hợp ông T, bà Đ không trả nợ thì ngân hàng yêu cầu bảo lưu hợp đồng thế chấp các thửa đất nêu trên để đảm bảo thi hành án.

* Bị đơn ông Lê Minh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của Ngân hàng VN, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông T) tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2018 trình bày: Bà và ông T cùng con trai là Nguyễn Văn P, con dâu Nguyễn Lê Minh H đang sinh sống trong căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 2083, 2084, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã ML, huyện X, tỉnh Long An.

Còn thửa đất số 598, 690, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã ML, huyện X, tỉnh Long An bà đã thực ruộng cho bà Nguyễn Thị L với giá 50.000.000đ. Bà L đang quản lý, sử dụng hai thửa đất này. Trường hợp, vợ chồng bà không trả tiền cho ngân hàng thì đồng ý để ngân hàng phát mãi toàn bộ các thửa đất và tài sản trên đất này để trả nợ cho ngân hàng.

- Ông Nguyễn Văn P (con ông T), bà Nguyễn Lê Minh H (vợ ông P) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Không có lời trình bày hay yêu cầu gì.

- Bà Lê Thị L trình bày tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2018 có nội dung như sau: Bà khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà 50.000.000đ là tiền thực 2 thửa đất số 598, 690, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã ML, huyện X, tỉnh Long An. Lý do, ngày 04/10/2015 âm lịch bà Đ, ông T có thực cho bà 2 thửa đất này không thời hạn. Hai bên thỏa thuận khi nào bà Đ trả cho bà 50.000.000đ thì bà trả ruộng lại cho bà Đ, ông T. Nhưng nay, bà Đ đã thế chấp hai thửa đất này cho ngân hàng để vay tiền mà không trả tiền cho ngân hàng, không báo cho bà biết, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Hiện nay, 2 thửa đất này do bà đang canh tác.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt các thông báo cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hợp lệ. nên Tòa án xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng VN và ông T, bà Đ là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã ML, huyện X, tỉnh Long An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 điều 26, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Huyện X đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến, không có phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng VN là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án trên những chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ đã vay của Ngân hàng VN chi nhánh huyện X – Phòng giao dịch BM số tiền 650.000.000đ, hạn trả nợ là 07/12/2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 03159/HĐTC ngày 07/12/2016 đối với các thửa đất số 2083, 2084, 690 do ông Lê Minh T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 04/7/2014, 22/5/2007, 13/7/2007 và thửa đất số 598 do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 31/12/2010 cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã ML, huyện X, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 885783, AI 495278, AI 995367, BD 271889 và có đăng ký đảm bảo ngày 07/12/2016.

Hợp đồng vay được phân kỳ trả nợ gốc lần đầu là ngày 07/12/2017 số tiền 10.000.000đ. Từ ngày vay đến nay, vợ chồng ông T không trả cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào.

Xét thấy, tuy chưa đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T đã vi phạm hợp đồng tín dụng tại mục 1 Điều 3, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng tổng cộng số tiền 777.036.111đ. Trong đó, tiền gốc là 650.000.000đ. Lãi trong hạn từ ngày 07/12/2016 đến 07/11/2018 là 701 ngày là 126.569.444đ. Lãi quá hạn từ ngày 08/12/2017 đến 08/11/2018 là 336 ngày là 466.667đ là có căn cứ chấp nhận theo Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày 09/11/2018, ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 16CL03159/HĐTD, ngày 07/12/2016. Đồng thời tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 03159/HĐTC, ngày 07/12/2016 để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí xem xét thẩm định: Ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu 700.000đ. Ngân hàng VN đã tạm ứng trước nên buộc ông T, bà Đ phải hoàn lại 700.000đ cho Ngân hàng.

Về án phí: Ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu 35.081.444đ án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng VN không phải chịu án phí.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L: Ngày 13/9/2018 bà L có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà 50.000.000đ là tiền thực 2 thửa đất số 598, 690, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã ML, huyện X, tỉnh Long An. Lý do, ngày 04/10/2015 âm lịch bà Đòi, ông T có thực cho bà 2 thửa đất này không thời hạn. Hiện nay, 2 thửa đất này do bà đang canh tác.

Xét thấy ngày 13/9/2018, Tòa án đã thông báo cho bà Nguyễn Thị L nộp tiền tạm ứng án phí để được xem xét giải quyết yêu cầu của bà L theo quy định pháp luật, nhưng hết thời hạn thông báo bà L không nộp biên lai tạm ứng án phí cho Tòa, không có ý kiến phản hồi và vắng mặt suốt quá trình tố tụng. Do đó, Tòa án không giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật dân sự. Trường hợp sau này có tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26 và các điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VN đối với ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Đ về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng VN tổng cộng số tiền là 777.036.111đ. (Trong đó, tiền gốc là 650.000.000đ, lãi trong hạn là 126.569.444đ, lãi quá hạn là 466.667đ. Tiền lãi tính đến ngày 08/11/2018).

Kể từ ngày 09/11/2018, ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 16CL03159/HĐTD, ngày 07/12/2016.

Đồng thời tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 03159/HĐTC ngày 07/12/2016 đối với các thửa đất số 2083, 2084, 690 do ông Lê Minh T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 04/7/2014, 22/5/2007, 13/7/2007 và thửa đất số 598 do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 31/12/2010 cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã ML, huyện X, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 885783, AI 495278, AI 995367, BD 271889 để đảm bảo thi hành án.

2/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu 700.000đ. Ngân hàng VN đã tạm ứng trước nên buộc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Đ phải hoàn lại 700.000đ cho Ngân hàng.

3/ Về án phí: Ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu 35.081.444đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng VN không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng VN 17.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003391, ngày 22/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

4/ Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X;
- CC THADS huyện X;
- Các đương sự
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng